

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 55/2021/DS-ST

Ngày: 24-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Trần Tấn Phát;**

**2. Ông Nguyễn Văn Mừng.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 526/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Huỳnh N, sinh năm **1983**; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp HB, xã HH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị N: Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Đường THĐ, khu phố M, phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 18-3-2021 và ngày 19-3-2021). Có mặt.

*Bị đơn:* Chị Phạm Thị Kim T, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Đường NGT, khu phố M, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện ngày 23-10-2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19-3-2021 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Huỳnh N và người đại diện hợp pháp của chị trình bày:*

Ngày 13-10-2018, chị N có cho chị T vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 13-10-2019. Ngày 13-3-2019 chị N cho chị T vay tiếp 1.200.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 13-3-2021. Tổng cộng chị T vay của chị N số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng.

Khi vay tiền chị T có viết giấy biên nhận nợ giao bản chính cho chị N giữ, thỏa thuận miêng lãi suất 5%/tháng, không thế chấp tài sản. Từ khi vay tiền đến nay chị T đã vi phạm thỏa thuận trả tiền lãi, hàng tháng, không trả nợ gốc đúng hạn. Sau khi tính toán, xác nhận chị T đã trả cho chị N tiền lãi 02 khoản nợ trên là 486.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, trả nợ gốc được 160.000.000 đồng.

Ngày 23-10-2020, chị N khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 19-3-2021 chị N làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chị T trả tổng cộng số tiền 1.130.000.000 đồng của 02 khoản vay trong đó tiền nợ gốc là 1.040.000.000 đồng, tiền lãi là 90.000.000 đồng, không yêu cầu chồng chị T liên đới trả nợ. Tại biên bản đối chất cùng ngày chị T đồng ý trả cho chị N số tiền này.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của chị N đồng ý chị T trả số tiền nợ gốc còn lại 1.040.000.000 đồng cho chị N và rút lại yêu cầu tính lãi số tiền 90.000.000 đồng.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị Kim T trình bày:*

Ngày 13-10-2018 chị có viết 02 giấy nợ vay của chị N số tiền 500.000.000 đồng và số tiền 700.000.000 đồng giao cho chị N giữ bản chính. Đến ngày 13-3-2019 chị N yêu cầu chị viết giấy nợ 1.200.000.000 đồng nhưng thực chất là xác nhận tổng số tiền 02 khoản nợ cũ. Do chị N nói để quên 02 giấy nợ cũ 500.000.000 đồng và 700.000.000 đồng ở nhà, do chị em tin tưởng nhau nên chị không lấy lại 02 giấy nợ cũ. Chị xác định chỉ vay của chị N số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng không vay số tiền nợ gốc 1.900.000.000 đồng.

Sau khi tính toán chị xác định đã trả cho chị N được số tiền lãi là 486.000.000 đồng và tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng đã cung cấp các chứng từ giao dịch trả tiền. Tại biên bản đối chất ngày 19-3-2021 chị đồng ý trả cho chị N tổng số tiền 1.130.000.000 đồng, trong đó nợ gốc còn lại là 1.040.000.000 đồng; 90.000.000 đồng tiền lãi. Ngoài ra, chị không còn nợ khoản tiền nào khác của chị N.

Tại phiên tòa chị T thay đổi ý kiến chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 1.040.000.000 (Một tỷ không trăm bốn mươi triệu) đồng cho chị N, xin không trả tiền lãi.

*- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Huỳnh N. Buộc chị Phạm Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Huỳnh N số tiền nợ gốc còn lại là 1.040.000.000 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi với số tiền 90.000.000 đồng của chị Phan Thị Huỳnh N đối với chị Phạm Thị Kim T.

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị Huỳnh N khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Kim T cư trú tại phường 2, thành phố Tây Ninh có nghĩa vụ trả nợ vay cho chị. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị N khởi kiện yêu cầu chị T trả tổng cộng số tiền 1.130.000.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 1.040.000.000 đồng; tiền lãi là 90.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị N cung cấp bản chính giấy nợ ngày 13-10-2018 có nội dung chị T vay chị N số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và giấy nợ ngày 13-3-2019 chị T vay chị N số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng, tổng cộng 02 khoản vay là 1.900.000.000 đồng. Chị T thừa nhận toàn bộ nội dung trong các giấy nợ là do chị T viết và ký tên người vay tiền. Tuy nhiên chị T cho rằng chỉ nợ chị N số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng nhưng không được chị N thừa nhận, không có chứng cứ chứng minh.

Tại biên bản đối chất ngày 19-3-2021, sau khi đối chiếu công nợ, tính toán theo quy định pháp luật các bên đã thống nhất hiện nay chị T còn nợ chị N tổng số tiền là 1.130.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.040.000.000 đồng, tiền lãi là 90.000.000 đồng; ngoài ra chị T không còn nợ chị N khoản tiền nào khác.

Tại phần tranh tụng của phiên tòa chị T chỉ đồng ý trả cho chị N số tiền nợ gốc còn lại 1.040.000.000 đồng, xin không phải trả tiền lãi. Người đại diện hợp pháp của

chị N chấp nhận yêu cầu này của chị T và rút lại yêu cầu khởi kiện tính lãi số tiền 90.000.000 đồng đối với chị T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cần buộc chị T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 1.040.000.000 đồng cho chị N, đồng thời xem xét đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của chị N theo quy định tại Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị N được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật:

$36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.040.000.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 43.200.000$  (Bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ Dân sự; Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Huỳnh N về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với chị Phạm Thị Kim T.

1.1. Buộc chị Phạm Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Huỳnh N số tiền nợ gốc là 1.040.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Huỳnh N đối với yêu cầu buộc chị Phạm Thị Kim T phải trả số tiền lãi 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Phạm Thị Kim T phải chịu số tiền 43.200.000 (Bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng án phí.

+ Chị Phan Thị Huỳnh N được nhận lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng tại Biên lai thu số 0000787 ngày 02-11-2020 và số

tiền 10.600.000 (Mười triệu sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001325 ngày 19-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tổng cộng chị Phan Thị Huỳnh N được nhận lại số tiền 26.600.000 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng.

**3.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Bùi Thị Liên**